

VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG THỰC HÀNH TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU: TỪ THỜ PHỤNG ĐẾN DẪN DẮT BẢN HỘI

Phạm Thị Thanh
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
Nguyễn Đăng Đạt
Trường Đại học KHXH&NV

Tóm tắt: Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam, được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2016, là một hình thức tín ngưỡng dân gian đặc sắc có chiều sâu lịch sử và tính bản địa cao. Trong cấu trúc thực hành và truyền nối tín ngưỡng này, phụ nữ không chỉ là chủ thể thờ phụng mà còn đóng vai trò trung tâm trong tổ chức, duy trì và lan tỏa sinh hoạt tín ngưỡng, đặc biệt thông qua việc dẫn dắt các bản hội. Bài viết này tiếp cận từ góc độ nhân học tôn giáo và nghiên cứu giới để làm rõ cách thức mà phụ nữ tham gia, tạo dựng và lãnh đạo không gian linh thiêng trong thờ Mẫu, từ đó góp phần khẳng định vai trò sáng tạo của phụ nữ trong cấu trúc tôn giáo dân gian Việt Nam đương đại.

Từ khóa: Phụ nữ; thờ Mẫu; bản hội; tín ngưỡng dân gian; quyền năng thiêng; giới; tôn giáo.

Nhận bài ngày 15.10.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.11.2025
Liên hệ tác giả: Phạm Thị Thanh; email: ptthanh@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam là một hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể, trong đó hình tượng người Mẹ thiêng liêng được nhân cách hóa thành các vị thần cai quản thiên nhiên, xã hội và đời sống tâm linh con người. Điểm đặc biệt của tín ngưỡng này là việc tôn vinh quyền năng nữ giới thông qua hệ thống Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Mẫu Địa và các Thánh Châu, Thánh Cô, tạo nên một vũ trụ quan đậm sắc nữ quyền. Tuy nhiên, vai trò của phụ nữ với tư cách là người thực hành và dẫn dắt tín ngưỡng thờ Mẫu vẫn chưa được nhìn nhận một cách đầy đủ trong các công trình nghiên cứu. Trong khi đó, thực tiễn cho thấy phụ nữ không chỉ hiện diện đông đảo trong các nghi lễ như lên đồng (hầu bóng), mà còn đảm nhiệm các vị trí trọng yếu trong việc tổ chức nghi lễ, giảng dạy nghi thức, điều hành bản hội, thậm chí dẫn dắt xu hướng lan tỏa thờ Mẫu trên không gian mạng. Nghiên cứu này đặt mục tiêu làm rõ quy trình chuyển biến vai trò của phụ nữ từ “người thờ phụng” sang “người kiến tạo và lãnh đạo” trong hệ thống tín ngưỡng Mẫu, qua đó góp phần nhận diện mối quan hệ giữa tôn giáo bản địa, giới tính và cấu trúc quyền lực trong không gian tâm linh của người Việt hiện đại.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu này dựa trên hai hướng tiếp cận lý luận chủ đạo để phân tích vai trò của phụ nữ trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu, đó là tiếp cận giới và tiếp cận tôn giáo dân gian:

Nhân học tôn giáo và biểu tượng học nghi lễ: Tiếp cận từ trường phái biểu tượng

trong nhân học văn hóa, nghiên cứu kế thừa quan điểm của Clifford Geertz (1973) và Victor Turner (1969), theo đó tôn giáo được hiểu như một hệ thống biểu tượng có khả năng kiến tạo thế giới quan, tạo lập trật tự ý nghĩa và thiết lập khung chuẩn mực cho hành vi xã hội. Trong đó, nghi lễ không chỉ là phương tiện chuyển tải niềm tin mà còn là hình thức biểu đạt quyền lực, bản sắc và sự cấu trúc lại xã hội. Việc phân tích các nghi thức lên đồng, tổ chức bản hội và vai trò của người nữ trong không gian thiêng thờ Mẫu cho phép giải mã các tầng lớp biểu tượng liên quan đến giới, quyền năng và sự kết nối cộng đồng.

Lý thuyết nữ quyền trong nghiên cứu tôn giáo: Nghiên cứu vận dụng các khái niệm từ lý thuyết nữ quyền tôn giáo hiện đại (Sered, 1994; Mahmood, 2005) để làm rõ cách phụ nữ không chỉ là đối tượng phục vụ tín ngưỡng mà còn là chủ thể kiến tạo và duy trì không gian thiêng. Sự tham gia tích cực của phụ nữ trong các hoạt động nghi lễ, tổ chức bản hội và truyền bá tín ngưỡng trên nền tảng số được hiểu như một hình thức tái định nghĩa vai trò giới trong thực hành tôn giáo dân gian. Quan điểm này đặt ra thách thức đối với các mô hình lý thuyết cổ điển về quyền lực tôn giáo vốn thường bị chi phối bởi nam giới, đồng thời mở rộng hiểu biết về cách thức quyền năng nữ giới được thể hiện trong ngữ cảnh tín ngưỡng bản địa Đông Nam Á.

Việc kết hợp hai lý thuyết trên không chỉ cung cấp nền tảng để lý giải các biểu hiện cụ thể của vai trò phụ nữ trong thực hành thờ Mẫu, mà còn góp phần đặt vấn đề về mối quan hệ giữa giới - nghi lễ - quyền lực trong không gian linh thiêng Việt Nam đương đại.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nhân học thực địa kết hợp với phân tích định tính để tiếp cận vai trò của phụ nữ trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu từ góc độ tôn giáo dân gian và giới. Phương pháp được triển khai theo các hướng sau:

Điều tra điền dã nhân học: Tiến hành khảo sát thực địa tại bốn địa điểm có hoạt động thờ Mẫu tiêu biểu, bao gồm: Hà Nội, Nam Định, Phú Thọ, Sơn La trong giai đoạn 2023 - 2024. Các địa điểm được chọn nhằm đảm bảo sự đa dạng về vùng miền, mức độ đô thị hóa và truyền thống tín ngưỡng. Việc quan sát tham dự (participant observation) được sử dụng để ghi nhận trực tiếp các nghi lễ hầu đồng, sinh hoạt bản hội, khóa học hát văn, cũng như vai trò của phụ nữ trong các hoạt động tổ chức và truyền dạy.

Phỏng vấn sâu bán cấu trúc (semi-structured interviews): Thực hiện 20 cuộc phỏng vấn sâu với các phụ nữ tham gia thờ Mẫu trong các vai trò khác nhau: thủ nhang, thanh đồng, cung văn, học trò, thành viên bản hội. Các câu hỏi tập trung vào quá trình gia nhập tín ngưỡng, trải nghiệm lên đồng, vai trò trong tổ chức bản hội và quan điểm cá nhân về quyền năng thiêng, giới tính và lãnh đạo tâm linh.

Phân tích nội dung truyền thông số và nghi lễ thị giác: Thu thập và phân tích nội dung từ các nền tảng mạng xã hội (Facebook, TikTok, YouTube) do phụ nữ quản lý, bao gồm livestream nghi lễ, video giảng dạy hát văn, các bài chia sẻ kinh nghiệm tâm linh. Trong quá trình tham dự các phiên livestream của các thanh đồng trên mạng xã hội, tác giả đặt câu hỏi và thu thập thông tin truyền thông từ các phiên livestream. Đồng thời, sử dụng phân tích hình ảnh nghi lễ (visual analysis) để giải mã biểu tượng giới và cấu trúc quyền lực thiêng thông qua biểu hiện thân thể, phục trang, động tác và âm nhạc trong các buổi hầu đồng.

Phân tích nội dung văn bản (content analysis): Xử lý các văn bản nghi lễ như văn khấn, lời hát văn, nghi thức hầu đồng, cùng các yếu tố biểu tượng trong trang phục và đạo cụ. Phân tích được định hướng bởi khung biểu tượng học nghi lễ và lý thuyết nữ quyền tôn giáo, nhằm làm rõ cách thức hình thành và tái định nghĩa vai trò của phụ nữ trong không gian linh thiêng.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Phụ nữ trong cấu trúc nghi lễ thờ Mẫu: Từ người thờ phụng đến người biểu đạt quyền năng

Trong nhiều truyền thống tôn giáo chính thống và có tính thiết chế cao, vai trò của phụ nữ thường bị giới hạn trong các chức năng phục tùng, thụ động hoặc mang tính hậu cần, trong khi các vị trí lãnh đạo nghi lễ, chủ tế hoặc trung gian với thần linh phần lớn do nam giới đảm nhiệm. Như Susan Sered (1994) đã chỉ ra trong nghiên cứu *Priestess, Mother, Sacred Sister*, phần lớn các tôn giáo do phụ nữ chi phối thường là các tôn giáo không chính thức (noninstitutional), mang tính dân gian hoặc bản địa, nơi mà phụ nữ được trao quyền năng thiêng thông qua thân thể, vai trò nuôi dưỡng và kết nối cộng đồng.

Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam là một ví dụ điển hình của hình thái tôn giáo dân gian mang sắc thái nữ quyền, nơi phụ nữ không chỉ là người hành lễ mà còn trở thành chủ thể biểu đạt quyền lực linh thiêng. Nghi lễ lên đồng (hầu bóng), một hình thức diễn xướng tâm linh độc đáo kết hợp giữa tôn giáo, nghệ thuật và biểu tượng học, cho phép người phụ nữ nhập thể các vị thần, đa phần là nữ, thông qua thân thể, trang phục, âm nhạc và vũ điệu. Trong trạng thái hầu đồng, người phụ nữ không còn là chính mình, mà là “hiện thân của thần linh”, giữ vai trò trung gian thiêng liêng giữa thế giới phàm tục và cõi siêu nhiên (Taylor, 2007).

Về mặt biểu tượng, cơ thể người phụ nữ trong nghi lễ thờ Mẫu trở thành không gian của biểu đạt thiêng, nơi năng lượng tâm linh được thể hiện và truyền đạt thông qua hành vi, cử chỉ, biểu cảm và lời nói. Điều này đặt ra một dạng “quyền năng thiêng hóa” mang tính biểu hiện rõ rệt, mà theo quan điểm của Talal Asad (1993), là biểu hiện của sự tái cấu trúc quyền lực tôn giáo thông qua nghi lễ. Trong trường hợp này, người phụ nữ không chỉ tiếp cận thần linh mà còn “thể hiện” thần linh thông qua chính cơ thể mình, một sự thể hiện quyền lực mà không cần thông qua trung gian nam giới.

Số liệu khảo sát thực địa tại các trung tâm thờ Mẫu như Hà Nội và Nam Định cho thấy khoảng 65% các thanh đồng là nữ giới, trong đó một tỷ lệ đáng kể đã tiến hóa từ vị trí “con nhang đệ tử” sang “đồng thầy” hoặc “thủ nhang” những người có vai trò chủ chốt trong tổ chức nghi lễ và điều hành bản hội. Quá trình chuyển đổi vai trò này không chỉ là sự phát triển cá nhân mà còn phản ánh cơ chế truyền nối quyền lực linh thiêng qua trải nghiệm, học tập và thực hành nghi lễ, trong đó yếu tố giới đóng vai trò trung tâm.

Thực tiễn điền dã cũng cho thấy các nữ thanh đồng thường có khả năng truyền cảm hứng, dẫn dắt cộng đồng và duy trì đạo hạnh, từ đó trở thành những “người mẹ tinh thần” trong hệ sinh thái tín ngưỡng. Vai trò của họ không chỉ gói gọn trong nghi lễ, mà còn mở rộng sang lĩnh vực giáo dục tâm linh, bảo tồn di sản và thậm chí cả quản lý truyền thông mạng xã hội trong cộng đồng tín ngưỡng.

Từ góc nhìn biểu tượng học nghi lễ của Victor Turner (1969), có thể thấy người phụ nữ trong hầu đồng đảm nhận chức năng của một “liminal figure” nhân vật đứng giữa các ranh giới: phàm/thánh, cá nhân/xã hội, nữ giới/thần linh. Trong trạng thái này, họ vừa mang tính chuyển tiếp vừa là chất keo kết nối cộng đồng, là hiện thân của một quyền năng thiêng được xã hội chấp nhận và tôn kính.

Trong cấu trúc nghi lễ thờ Mẫu, phụ nữ không còn giữ vai trò thụ động như trong nhiều mô hình tôn giáo truyền thống, mà đã và đang trở thành trung tâm sáng tạo và biểu đạt quyền năng linh thiêng. Sự chuyển dịch từ “người thờ phụng” sang “người hiện thân và kiến tạo thần linh” chính là biểu hiện sâu sắc của một nữ quyền bản địa hóa, vừa bám rễ trong văn hóa dân gian, vừa phản ánh những biến chuyển tinh vi của cấu trúc giới trong đời sống tâm linh Việt Nam đương đại.

2.3.2 Phụ nữ và bản hội

2.3.2.1. Phụ nữ trong vai trò tổ chức và điều hành bản hội

Trong cấu trúc xã hội của tín ngưỡng thờ Mẫu, bản hội là đơn vị tổ chức cơ bản, mang tính linh hoạt, tự trị và có khả năng thích ứng cao với các bối cảnh xã hội khác nhau. Không giống như các tổ chức tôn giáo thể chế có hệ thống phẩm trật và điều lệ chặt chẽ, bản hội là một cộng đồng tín hữu mang tính tự nguyện, nơi các cá nhân cùng niềm tin quy tụ để thực hành nghi lễ, trao đổi tri thức tâm linh và hỗ trợ lẫn nhau về mặt tinh thần, đạo đức và vật chất.

Trong không gian này, phụ nữ nổi lên như những nhà tổ chức và lãnh đạo tinh thần chủ chốt, đặc biệt tại các đô thị nơi mà tính chất cộng đồng làng xã truyền thống bị phá vỡ, nhu cầu liên kết mới theo mô thức “cộng đồng tâm linh tự chọn” (intentional spiritual communities) ngày càng gia tăng.

Thủ nhang, đồng thầy, trưởng bản hội, những chức danh phổ biến trong tổ chức bản hội, ngày càng do phụ nữ đảm nhiệm với tỷ lệ áp đảo. Số liệu điền dã tại Hà Nội và Hải Phòng (2022–2024) cho thấy có đến 60% bản hội do phụ nữ sáng lập và điều hành, đặc biệt trong các nhóm tín hữu có hoạt động thường xuyên và có kết nối liên vùng. Việc họ giữ vai trò trung tâm không chỉ là biểu hiện của quá trình “nữ hóa tôn giáo dân gian” mà còn phản ánh cơ chế thiết lập quyền lực thiêng phi thiết chế, được định hình qua ba trục chính:

Tri thức nghi lễ (ritual literacy): Các nữ thủ nhang và đồng thầy thường có vốn hiểu biết sâu sắc về các nghi thức hầu đồng, văn khấn, thần tích và lịch lễ hội, được tích lũy qua thực hành lâu năm và học hỏi liên thế hệ. Họ đóng vai trò là “kho tri thức sống” trong cộng đồng, cung cấp chuẩn mực đúng, sai cho việc hành lễ và hướng dẫn đạo đức tín ngưỡng.

Đạo hạnh và uy tín cá nhân (moral authority): Vai trò lãnh đạo không được thiết lập bởi chức danh hành chính, mà xuất phát từ sự công nhận cộng đồng về đạo đức, lòng bao dung, khả năng kết nối và dẫn dắt. Uy tín được tích lũy qua thời gian và trải nghiệm thực hành, được biểu hiện bằng thuật ngữ dân gian như “có căn cao số nặng”, “có duyên mở phủ”, hoặc “độ được người”.

Năng lực tổ chức và kết nối xã hội (social capital): Phụ nữ lãnh đạo bản hội thường có kỹ năng quản lý tài chính, tổ chức nghi lễ tập thể (mở phủ, trình đồng, tạ lễ), điều phối các thành viên với nhiều độ tuổi và giai tầng khác nhau. Đặc biệt trong thời đại số, họ còn khai thác hiệu quả mạng xã hội như Facebook, Zalo, TikTok, YouTube để mở rộng cộng đồng, thông báo lịch lễ, thậm chí tổ chức nghi lễ trực tuyến (livestream hầu đồng).

Trong bối cảnh hiện đại hóa và đô thị hóa nhanh chóng, bản hội trở thành hình thức cộng đồng thay thế cho các mối liên kết làng xã truyền thống đang suy yếu. Việc phụ nữ đảm nhiệm vai trò lãnh đạo trong các bản hội không chỉ tái khẳng định vị thế giới trong không gian linh thiêng, mà còn thể hiện năng lực tổ chức cộng đồng theo hướng mềm dẻo, nhân văn và bền vững.

Từ lý thuyết của Michel Foucault về quyền lực vi mô (micro-power) và lý thuyết “quyền lực mềm” (soft power) của Joseph Nye, có thể thấy phụ nữ trong vai trò điều hành bản hội đang tái định nghĩa quyền lực không qua cơ chế ép buộc hay định chế, mà thông qua sự thuyết phục, tri thức nghi lễ và khả năng kiến tạo kết nối cộng đồng. Đây là dạng quyền lực linh thiêng mang màu sắc nữ giới, không đối kháng, mà dung hợp, không kiểm soát, mà dẫn dắt.

Sự nổi bật của phụ nữ trong vai trò tổ chức và điều hành bản hội minh chứng cho một mô hình lãnh đạo tín ngưỡng phi truyền thống, nơi giới tính không phải là rào cản mà là lợi thế văn hóa, tạo điều kiện cho sự sáng tạo và duy trì sự sống động của tín ngưỡng thờ Mẫu trong bối cảnh xã hội đương đại.

2.3.2.2 Phụ nữ trong vai trò gìn giữ và truyền nối di sản

Trong cấu trúc sinh hoạt của tín ngưỡng thờ Mẫu, bên cạnh vai trò tổ chức và điều hành bản hội, phụ nữ còn giữ một vị trí trung tâm trong việc gìn giữ, tái tạo và truyền thừa các giá trị văn hóa, tâm linh cốt lõi. Điều này đặc biệt quan trọng khi xét đến bản chất phi vật thể và phụ thuộc vào thực hành của tín ngưỡng này, vốn không được lưu trữ qua văn bản hóa chính thức mà tồn tại chủ yếu dưới hình thức “tri thức hóa thân” (embodied knowledge) và “ký ức diễn xướng” (performative memory). Trong bối cảnh đó, phụ nữ chính là những “người mang di sản sống”, họ không chỉ tiếp nhận mà còn tái cấu trúc di sản qua từng hành vi, nghi thức và mối quan hệ truyền thừa.

Trước hết, trong lĩnh vực truyền dạy hát văn, một bộ phận cốt lõi của nghi lễ thờ Mẫu, phụ nữ không chỉ đóng vai trò người biểu diễn mà còn là người giảng dạy, biên tập lời văn, định hướng thẩm mỹ âm nhạc, và giữ gìn hệ thống làn điệu mang tính bản địa cao. Hát văn không chỉ là hình thức ca xướng mà còn là phương tiện triệu thỉnh thần linh, tạo nên không gian linh thiêng trong buổi hầu đồng. Thực tiễn cho thấy, tại nhiều bản hội ở Hà Nội và Nam Định, các lớp học hát văn hiện nay phần lớn do các thanh đồng nữ kỳ cựu đứng lớp, với mô hình giảng dạy kết hợp giữa truyền khẩu và trình diễn, tái hiện đúng tinh thần “nghệ thuật sống” của loại hình tín ngưỡng này.

Song song với đó, diễn xướng nghi lễ, đặc biệt là các vũ điệu trong nghi lễ hầu đồng, được truyền lại không thông qua giáo trình mà bằng quan sát, bắt chước và tương tác trực tiếp giữa thầy và trò. Phụ nữ là người chính yếu giữ gìn những biểu đạt hình thể này thông qua động tác, ánh nhìn, sự chuyển hóa trong từng giá hầu, vốn đòi hỏi sự thấu triệt cả về biểu tượng lẫn tâm linh. Vai trò của họ không dừng ở việc “biểu diễn”, mà chính là “thể hiện” (embody) thần linh trong một cấu trúc nghi lễ linh hoạt, liên tục tái tạo nhưng vẫn duy trì được tính chuẩn mực. Đây là quá trình mà Pierre Bourdieu gọi là “tái sản xuất văn hóa qua thực hành thân thể”, nơi mà hành vi lặp đi lặp lại không chỉ tái hiện di sản, mà còn duy trì cấu trúc xã hội ngầm định phía sau nó.

Một phương diện nữa mà phụ nữ nắm giữ vai trò then chốt là việc phục dựng trang phục, đạo cụ và chuẩn hóa nghi lễ. Họ là những người chọn lựa, bảo quản và phối hợp các yếu tố thị giác như màu sắc, họa tiết, chất liệu trang phục phù hợp với từng vị thánh trong hệ thống Tứ phủ, góp phần duy trì tính thiêng và mỹ học đặc trưng của nghi lễ. Trong nhiều trường hợp, họ đồng thời đóng vai trò “thiết kế”, điều chỉnh trang phục cho phù hợp với thẩm mỹ đương đại mà không làm biến dạng yếu tố cốt lõi, tạo nên sự kết nối giữa truyền thống và hiện đại.

Quá trình truyền thừa tri thức nghi lễ trong thờ Mẫu chủ yếu vận hành theo mô hình thầy - trò (mentor-apprentice) mang tính linh thiêng, nơi mối quan hệ không chỉ dựa trên kỹ năng mà còn gắn với “duyên căn”, một dạng liên kết tâm linh được cộng đồng tín ngưỡng công nhận. Phụ nữ, trong tư cách đồng thầy hoặc thủ nhang, thường là người đảm nhiệm vai trò truyền dạy các giá trị này, thể hiện sự kế thừa không chỉ về kỹ năng mà còn về đạo đức hành đạo (đạo hạnh). Đây là một dạng di sản đạo đức phi văn bản, mang tính biểu cảm và cộng đồng sâu sắc.

Bối cảnh xã hội hiện đại, khi quá trình đô thị hóa, toàn cầu hóa và công nghệ số đang làm thay đổi mạnh mẽ môi trường sinh hoạt tín ngưỡng, phụ nữ tiếp tục đóng vai trò tác nhân thích nghi và đổi mới di sản. Nhiều thủ nhang, thanh đồng nữ đã chủ động số hóa tri thức nghi lễ qua video, livestream, hệ thống hóa tài liệu giảng dạy, thậm chí tạo lập các kênh YouTube và nhóm mạng xã hội để mở rộng phạm vi truyền bá. Sự chuyển dịch từ truyền miệng sang lưu trữ số hóa không làm mất đi tính bản địa mà ngược lại, tạo điều kiện để di sản lan tỏa tới các cộng đồng Việt kiều tại Pháp, Mỹ, Úc, nơi nhiều bản hội đang được

thành lập và duy trì bởi các nữ thanh đồng gốc Việt.

Từ góc độ lý thuyết, đây là biểu hiện điển hình của quá trình bảo tồn động (dynamic preservation), nơi di sản không được cố định trong một khung chuẩn “bất biến”, mà được duy trì thông qua tính thích nghi sáng tạo. Phụ nữ, với tư cách là người gìn giữ và tái hiện di sản qua thực hành, đồng thời cũng là người điều hướng di sản theo hướng phù hợp với bối cảnh đương đại. Vai trò này cho thấy một mô hình nữ quyền bản địa hóa (indigenized feminism), trong đó quyền năng nữ giới không tách rời khỏi văn hóa, mà vận hành như một phần không thể thiếu trong sự sống còn và phát triển của hệ thống tín ngưỡng.

Phụ nữ không chỉ đóng vai trò hỗ trợ trong sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu, mà chính là những chủ thể kiến tạo, chuyển giao và tái định hình di sản văn hóa phi vật thể, góp phần đảm bảo tính liên tục, tính linh hoạt và tính gắn kết cộng đồng trong một không gian linh thiêng không ngừng chuyển động.

2.3.3. Phụ nữ và không gian số

Khi công nghệ số ngày càng định hình lại phương thức tổ chức cộng đồng và biểu đạt tín ngưỡng, sự hiện diện của phụ nữ trong vai trò người kiến tạo không gian thiêng đang mở rộng ra khỏi giới hạn vật lý của đền phủ truyền thống. Thay vì chỉ gắn bó với không gian thờ tự cụ thể, vốn chịu ràng buộc bởi địa lý, thời gian và thiết chế cộng đồng, nhiều phụ nữ thực hành thờ Mẫu đã chủ động dịch chuyển hoạt động tín ngưỡng sang môi trường trực tuyến, tạo nên một hiện tượng mà các nhà nghiên cứu gọi là “tôn giáo số hóa” (digital religion) (Campbell, 2012).

Đáng chú ý là các thủ nhang, thanh đồng và cung văn nữ hiện đang sử dụng linh hoạt các nền tảng như Facebook, YouTube, TikTok, Zalo, không chỉ để lưu trữ và chia sẻ tri thức nghi lễ (như bài giảng hát văn, hướng dẫn nghi lễ lên đồng), mà còn trực tiếp livestream các buổi hầu đồng, tổ chức lớp học hát văn trực tuyến, hướng dẫn tín hữu từ xa thực hành nghi thức cơ bản, và kết nối với cộng đồng tín ngưỡng toàn cầu, đặc biệt là người Việt tại hải ngoại.

Thực tiễn điện đã cho thấy, một số bản hội tại Hà Nội và Nam Định đã lập nhóm Facebook chuyên biệt do phụ nữ điều hành, với thành viên lên đến hàng nghìn người, hoạt động thường xuyên qua hình thức chia sẻ kinh nghiệm tâm linh, tư vấn mở phủ, trình đồng, trả lễ, và livestream nghi lễ lớn. Các kênh YouTube như “Hát Văn Việt”, “Đạo Mẫu Việt Nam” hay TikTok của các thanh đồng nữ có lượng người theo dõi từ vài nghìn đến hàng chục nghìn, tạo nên một “mạng lưới tôn giáo phi vật lý” (non-territorial religious network) với phụ nữ làm trung tâm điều phối.

Theo lý thuyết “không gian thứ ba” (Third Space) của Homi Bhabha (1994), không gian số trong thực hành tín ngưỡng được hiểu là một vùng “giao thoa” giữa truyền thống và hiện đại, giữa bản địa và toàn cầu, giữa cấu trúc nghi lễ cũ và phương tiện biểu đạt mới. Phụ nữ, trong vai trò chủ động sử dụng công nghệ số, chính là những người kiến tạo không gian thứ ba ấy, nơi mà tính thiêng được duy trì nhưng không cố định, tính linh hoạt trở thành một dạng năng lực văn hóa đặc thù.

Từ góc nhìn nhân học số (digital anthropology), có thể xem hiện tượng này như một hình thức “phi cấu trúc hóa quyền lực” trong thực hành tôn giáo (Turner, 1969; Campbell, 2012), khi các rào cản truyền thống về vị trí, địa lý, tuổi tác và giới tính bị làm mềm hoặc xóa nhòa nhờ vào sự hỗ trợ của công nghệ. Trong ngữ cảnh đó, phụ nữ không chỉ tái cấu trúc vai trò bản thân mà còn tái định nghĩa không gian thiêng, biến mạng xã hội thành “điện tâm”, một dạng điện thờ nội tâm và ảo hóa, nơi thần linh không còn chỉ được triệu thỉnh qua lễ vật và bài văn khấn, mà qua tín hiệu số, hình ảnh livestream và lượt tương tác.

Đáng chú ý, nhiều thanh đồng nữ còn khéo léo vận dụng mạng xã hội để xây dựng hình

ảnh cá nhân như một “thương hiệu tâm linh”, qua đó tạo niềm tin trong cộng đồng tín hữu, mở rộng ảnh hưởng không qua cơ chế thiết chế truyền thống. Đây là một hình thức “quyền năng mềm kỹ thuật số” (digital soft power), nơi mà tri thức nghi lễ, đạo hạnh cá nhân và khả năng giao tiếp cộng đồng được số hóa, lan tỏa và tích hợp vào văn hóa mạng.

Không chỉ dừng lại ở truyền thông, phụ nữ còn chủ động thiết kế các khóa học trực tuyến về hát văn, nghi thức lên đồng, tổ chức lễ cúng theo mùa vụ... giúp mở rộng đối tượng học tập, bao gồm cả người trẻ, người Việt ở nước ngoài và những người không có điều kiện tiếp cận trực tiếp với không gian đền phủ. Theo một khảo sát nhỏ tại bản hội số “Đạo Mẫu- Tâm Linh Việt Nam”, “Đồng Tân Linh Mới”, “Đạo Mẫu Việt Nam” (Facebook), gần 50% thành viên là phụ nữ trẻ từ 20 -35 tuổi, cho thấy không gian số đang góp phần trẻ hóa công chúng tín ngưỡng và làm mềm hóa các lối vào vốn trước đây mang tính huyền môn hoặc khép kín.

Không gian số không làm phai mờ giá trị thiêng của tín ngưỡng thờ Mẫu, mà trái lại, trở thành một phương tiện hiện đại hóa và toàn cầu hóa di sản. Trong quá trình đó, phụ nữ nổi lên như những tác nhân sáng tạo, không chỉ trong việc biểu đạt mà còn trong việc định hình lại cấu trúc tổ chức, kênh truyền tải và cộng đồng tiếp nhận của tín ngưỡng. Họ vừa là người truyền thống trong nội dung, vừa là người đổi mới trong phương thức, một biểu hiện rõ rệt của năng lực thích ứng văn hóa và nữ quyền bản địa hóa trong thời đại kỹ thuật số.

2.4. Thảo luận

Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng trong cấu trúc thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu, phụ nữ không chỉ giữ vai trò thụ động như trong nhiều hệ thống tôn giáo chính thống khác, mà thực sự là chủ thể kiến tạo, duy trì và tái cấu trúc không gian thiêng, cả ở cấp độ nghi lễ truyền thống lẫn trong bối cảnh hiện đại hóa và số hóa. Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu vì thế trở thành một trường hợp đặc biệt về quyền năng giới trong không gian tâm linh Việt Nam, nơi nữ quyền bản địa hóa được thể hiện rõ nét qua thân thể, nghi thức và kết nối cộng đồng.

Trước hết, sự chuyển dịch vai trò của phụ nữ từ “người thờ phụng” sang “người biểu đạt quyền năng” trong nghi lễ hầu đồng phản ánh một cơ chế trao quyền thông qua biểu đạt nghi lễ, trong đó thân thể người nữ là trung gian thiêng liêng kết nối thần linh và con người. Như một nữ thanh đồng tại Hà Nội (mã hóa: TĐ03, phỏng vấn ngày 15/09/2024) chia sẻ: *“Lúc hầu bóng là mình không còn là mình nữa, mà là Thánh giáng. Cơ thể mình là chỗ Thánh mượn để giúp người ta, độ người ta.”* Nhận thức này không chỉ cho thấy mức độ nhập thể thần linh trong nghi lễ mà còn minh chứng cho cấu trúc quyền năng linh thiêng qua biểu đạt cơ thể nữ giới, điều ít thấy trong các thiết chế tôn giáo chính thống vốn nam giới thống trị.

Thứ hai, vai trò lãnh đạo bản hội của phụ nữ thể hiện một mô hình tổ chức tôn giáo phi thiết chế, trong đó uy tín nghi lễ, khả năng kết nối cộng đồng và tri thức văn hóa được xây dựng qua thực hành, không qua phong tước hay hệ thống phẩm trật. Một thủ nhang tại TP. Sơn La (mã hóa: TĐ02, phỏng vấn ngày 10/09/2024) mô tả: *“Bản hội mình toàn nữ, có người là giáo viên, có người bán hàng online. Nhưng khi vào cửa Thánh thì ai cũng như nhau, ai có căn, ai có tâm thì mình dìu họ đi từng bước.”* Điều này cho thấy vai trò của phụ nữ không chỉ ở tổ chức nghi lễ mà còn ở điều phối xã hội, giáo dục đạo hạnh và phát triển mạng lưới tín ngưỡng, một quyền lực mềm tôn giáo có nền tảng từ tính thiêng và năng lực thực hành.

Thứ ba, trong quá trình gìn giữ và truyền dạy di sản, phụ nữ thể hiện vai trò như những “kho tri thức sống” (UNESCO, 2003). Nhiều khóa học hát văn hiện nay do các thanh đồng nữ kỳ cựu, điển hình tổ chức như kênh YouTube “Hát Văn Việt”, chia sẻ

các bài giảng về làn điệu cổ, cách trình bày văn châu phù hợp từng giá hầu. Các video có từ 10.000 đến 70.000 lượt xem, với nhiều người học trẻ hoặc Việt kiều. Sự truyền thừa qua công nghệ số này cho thấy tính thích ứng linh hoạt của di sản khi được trao cho những người phụ nữ hiền đạo, biết hát, và biết tổ chức cộng đồng học tập.

Cuối cùng, không gian số hiện nay đã trở thành một “điện tâm mở rộng”, nơi mà phụ nữ giữ vai trò tiên phong lan tỏa tín ngưỡng thờ Mẫu. Các kênh TikTok như @dieuphucvien99 hay nhóm Facebook “Đạo Mẫu - Tâm Linh Việt Nam” thu hút hàng chục nghìn người theo dõi, trong đó nội dung do phụ nữ điều hành chiếm đa số. Như một thủ nhang tại Phú Thọ (mã hóa: TĐ01, phỏng vấn ngày 22/12/2023) cho biết: *“Minh livestream hầu bóng không phải để câu view, mà để độ người có căn ở xa, nhất là mấy bạn Việt kiều không có đền phủ bên đó.”* Hành vi này không chỉ mở rộng công chúng tín ngưỡng mà còn tái định hình không gian linh thiêng trong thời đại kỹ thuật số.

Từ những dữ liệu thực tiễn trên, có thể thấy phụ nữ không chỉ đóng vai trò duy trì truyền thống, mà còn là tác nhân đổi mới cấu trúc tôn giáo dân gian, thích nghi với chuyển động xã hội hiện đại. Họ là người truyền dạy, tổ chức, lan tỏa và bảo tồn trong cùng một hệ thống và chính sự đa nhiệm ấy đã biến họ thành trung tâm vận hành của tín ngưỡng thờ Mẫu trong thời đại mới. Điều này cũng gợi mở một hướng nghiên cứu quan trọng về quyền năng nữ giới trong tôn giáo phi thiết chế, nơi cấu trúc quyền lực không xuất phát từ thể chế, mà từ thân thể, tri thức, đạo đức và công nghệ, những yếu tố mà phụ nữ đang nắm giữ một cách sâu sắc và chủ động.

3. KẾT LUẬN

Tín ngưỡng thờ Mẫu, một di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, không chỉ là không gian thờ phụng các vị thần nữ linh thiêng, mà còn là một hệ sinh thái xã hội, văn hóa năng động, nơi phụ nữ đóng vai trò trung tâm trong việc duy trì, tổ chức và lan tỏa đời sống tâm linh cộng đồng. Dựa trên tiếp cận nhân học tôn giáo, lý thuyết nữ quyền và phân tích thực hành nghi lễ, nghiên cứu này khẳng định rằng phụ nữ không chỉ là người thờ phụng mà chính là chủ thể sáng tạo, biểu đạt và kiến tạo không gian thiêng trong cấu trúc tín ngưỡng Mẫu Việt Nam đương đại.

Thứ nhất, trong nghi lễ hầu đồng, hình thức diễn xướng tâm linh đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu, người phụ nữ không còn giữ vai trò thụ động mà đảm nhiệm vị trí trung tâm như một trung gian thiêng liêng, biểu đạt năng lượng tâm linh qua thân thể, trang phục và biểu tượng. Thực hành nghi lễ trở thành nơi thể hiện quyền năng giới và là một hình thức “trao quyền” mang tính biểu tượng, nơi người nữ không chỉ tiếp cận thần linh mà còn trở thành hiện thân của thần linh.

Thứ hai, với sự phát triển của bản hội, hình thức tổ chức tín ngưỡng linh hoạt và phi thiết chế, phụ nữ nổi lên như những nhà lãnh đạo tâm linh trong cộng đồng. Họ không chỉ điều hành nghi lễ mà còn quản trị mạng lưới xã hội, hướng dẫn đạo đức tín ngưỡng và kết nối cộng đồng qua cả không gian vật lý lẫn không gian số. Điều này thể hiện một mô hình quyền lực mềm giới nữ, được thiết lập trên nền tảng tri thức nghi lễ, đạo hạnh và khả năng điều hướng văn hóa cộng đồng.

Thứ ba, trong vai trò người gìn giữ và truyền nối di sản, phụ nữ thực hiện quá trình bảo tồn theo hướng động và thích nghi. Họ là những người truyền dạy hát văn, chuẩn bị trang phục, hướng dẫn múa hầu và chuyển giao tri thức nghi lễ theo mô hình thầy-trò truyền thống, đồng thời chủ động hiện đại hóa phương thức giảng dạy qua các nền tảng số. Điều này đảm bảo tính liên tục và sinh động của di sản trong một xã hội đang biến đổi nhanh chóng.

Cuối cùng, sự hiện diện mạnh mẽ của phụ nữ trong không gian mạng, qua livestream lễ

hầu, video giảng dạy, nhóm bản hội trực tuyến, cho thấy một quá trình số hóa tôn giáo dân gian, nơi các giá trị thiêng được truyền tải bằng công nghệ nhưng không đánh mất bản sắc. Phụ nữ trở thành tác nhân tích cực trong việc chuyển dịch tín ngưỡng từ hình thái làng xã sang không gian tôn giáo ảo, kết nối cộng đồng Việt toàn cầu và mở rộng công chúng tín ngưỡng.

Từ tất cả những phân tích trên, có thể khẳng định rằng vai trò của phụ nữ trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu là thiết yếu và không thể thay thế, không chỉ trong việc duy trì các giá trị văn hóa truyền thống mà còn trong sáng tạo, đổi mới và dẫn dắt cộng đồng trong thời đại chuyển đổi số. Đây chính là biểu hiện sinh động của nữ quyền bản địa hóa, nơi quyền năng thiêng, năng lực tổ chức và công nghệ hội tụ trong thực hành tôn giáo dân gian đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bhabha, H. K. (1994), *The location of culture*. Routledge.
2. Campbell, H. A. (2012), *Digital religion: Understanding religious practice in new media worlds*. Routledge.
3. Endres, K. W. (2011), *Performing the divine: Mediums, markets and modernity in urban Vietnam*. NIAS Press.
4. Geertz, C. (1973), *The interpretation of cultures: Selected essays*. Basic Books.
5. Mahmood, S. (2005). *Politics of piety: The Islamic revival and the feminist subject*. Princeton University Press.
6. Nguyễn, T. H. (2015), *Đạo Mẫu và lễ hội hầu đồng ở Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội.
7. Sered, S. (1994). *Priestess, mother, sacred sister: Religions dominated by women*. Oxford University Press.
8. Taylor, P. (2007), *Modernity and re-enchantment: Religion in post-revolutionary Vietnam*. ISEAS.
9. Turner, V. (1969), *The ritual process: Structure and anti-structure*. Aldine Publishing.

THE ROLE OF WOMEN IN THE PRACTICE OF MOTHER GODDESS WORSHIP: FROM DEVOTION TO SPIRITUAL LEADERSHIP

Abstract: *The practice of Mother Goddess worship in Vietnam, recognized by UNESCO in 2016 as an Intangible Cultural Heritage of Humanity, represents a distinctive form of vernacular belief deeply rooted in history and local tradition. Within the structure of its ritual practices and intergenerational transmission, women are not only worshippers but also play a central role in organizing, sustaining, and expanding the religious life of communities, particularly through their leadership of ritual groups (bản hội). This paper, drawing on approaches from religious anthropology and gender studies, examines how women participate in, construct, and lead sacred spaces within the Mother Goddess tradition. In doing so, it affirms women's creative and spiritual agency within the landscape of contemporary Vietnamese folk religion.*

Keywords: *Women; Mother Goddess worship; ritual groups; folk belief; sacred power; gender; religion.*